TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2023/TLST– HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và

Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Thùy Tr, sinh năm 1980; thường trú: Số 01/35, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hà Huy T, sinh năm 1977; thường trú: Số 01/35, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Thùy Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, bà Trương Thị Thùy Tr và ông Hà Huy T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Việc kết hôn của bà Tr và ông T là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ông T thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà Tr. Vợ chồng nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm ra cách giải quyết những mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả. Nay, bà Tr xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Hà Ngọc Tr, sinh ngày 26/8/2003 và Hà Huy T, sinh ngày 21/5/2009. Bà Tr yêu cầu sau ly hôn con chung là cháu T sẽ do bà trực tiếp nuôi dưỡng, và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Còn con chung là cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trương Thị Thùy Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hà Huy T:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr nhưng ông T không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông T tham gia hòa giải vào ngày 12/6/2023 nhưng ông T vắng mặt không có lý do, đồng thời bà Tr có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông T tham gia phiên tòa vào ngày 04/7/2023 và ngày 24/7/2023 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Tr được xem xét trên cơ sở chứng cứ do bà Tr cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 04/7/2023 và ngày 24/7/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Thùy Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hà Huy T đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng

mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy Tr và ông Hà Huy T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 17/02/2003 theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà Tr xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ông T thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà Tr. Vợ chồng nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để tìm ra cách giải quyết những mâu thuẫn nhưng đều không có kết quả. Nay, bà Tr xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông T đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng ông T không đến. Điều này chứng tỏ bản thân ông T cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà Tr xác định không còn tình cảm với ông T. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Tr yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Hà Ngọc Tr, sinh ngày 26/8/2003 và Hà Huy T, sinh ngày 21/5/2009. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng ông T không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa cháu T có nguyện vọng được sống cùng với bà Tr. Do đó, bà Tr yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn con chung là cháu Hà Ngọc Tr đã trưởng thành, bà Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Trương Thị Thùy Tr yêu cầu ông Hà Huy T cấp dưỡng nuôi cháu Tấn mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương hiện nay và nhu cầu phát triển của cháu Tấn nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trương Thị Thùy Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thùy Tr. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thùy Tr phải chịu án phí ly hôn, ông Hà Huy T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thùy Tr về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Hà Huy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy Tr được ly hôn với ông Hà Huy T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/02/2003).

- Về con chung: Ông Hà Huy T có trách nhiệm giao con chung là cháu Hà Huy T, sinh ngày 21/5/2009 cho bà Trương Thị Thùy Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Hà Huy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hà Huy T mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hà Huy T đủ 18 tuổi. Còn con chung là cháu Hà Ngọc Tr, sinh ngày 26/8/2003 đã trưởng thành, bà Trương Thị Thùy Tr không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông Hà Huy T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, bà Trương Thị Thùy Tr không có quyền cản trở ông Hà Huy T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày bà Trương Thị Thùy Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Huy T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì ông Hà Huy T còn phải thanh toán cho bà Trương Thị Thùy Tr tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trương Thị Thùy Tr không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006320 ngày 26/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Hà Huy T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng